

Số: 83/2024/QĐST-HNGĐ

B, ngày 22 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến.

2. Bà Võ Thị Hiền.

Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thành Long – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2024 về việc “Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Luật sư Nguyễn Thị Kim T - thuộc Đoàn luật sư tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Lê Thị Kim C** và anh **Nguyễn Văn T1**. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyền số 01, ngày 13/6/2005 của **Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre** chấm dứt kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2.2. Về con chung: Anh **Nguyễn Văn T1** có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Quốc T2**, sinh ngày 05/02/2008. Chị **Lê Thị Kim C** có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Thịnh N**, sinh ngày 30/12/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **C**, anh **T1** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh **T1**, chị **C** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có.

2.5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị **Lê Thị Kim C** đồng ý nộp toàn bộ và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000155 ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí sơ thẩm, chị **C** đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Chí Vũ